

Số: /BC-ĐPTTH

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO

### Thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 (Thời gian tính từ ngày 05/12/2023 đến ngày 04/12/2024)

Thực hiện Công văn số 872/UBND-VXNV ngày 04/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận báo cáo thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

##### 1. Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện

Giám đốc Đài đã ban hành Quyết định số 1663/QĐ-ĐPTTH ngày 08/12/2023 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch số 1661/KH-ĐPTTH ngày 08/12/2023 về kiểm soát xung đột lợi ích năm 2024; Kế hoạch số 1776/KH-ĐPTTH ngày 22/12/2023 về Kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính và cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch số 1807/KH-ĐPTTH ngày 28/12/2023 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch số 1808/KH-ĐPTTH ngày 28/12/2023 về phát động phong trào thi đua thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024; Hướng dẫn số 1775/HD-ĐPTTH ngày 22/12/2023 về triển khai cam kết thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024; ...

##### 2. Công tác kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính

Năm 2024, Tổ Kiểm tra, chấn chỉnh, kỷ luật, kỷ cương hành chính tổ chức 11 đợt kiểm tra vào ngày 15/01, 19/02, 22/3, 16/4, 14/5, 10/6, 08/7, 08/8, 17/9, 15/10, 11/11. Cán bộ, viên chức Đài nghiêm túc chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính; không có tình trạng viên chức uống rượu bia, hút thuốc lá trong giờ làm việc; 100% viên chức làm việc tại cơ quan, đang tác nghiệp bên ngoài (phóng viên, biên tập viên, phát thanh viên) hoặc dự Hội nghị đều có đăng ký kế hoạch hoặc được lãnh đạo phòng, lãnh đạo Đài phân công; các thiết bị, dụng cụ phục vụ làm việc và các phòng làm việc được bố trí gọn gàng, ngăn nắp sạch sẽ.

Ngày 22/12/2023, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh ban hành Hướng dẫn số 1775/HD-ĐPTTH về việc hướng dẫn cán bộ, viên chức Đài ký cam kết thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2024. 100% cán bộ, viên chức của Đài hưởng ứng và ký cam kết thực hiện.

##### 3. Công tác chỉ đạo tuyên truyền cải cách hành chính

Chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác cải cách hành chính; Tiếp tục quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình tổng thể

cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, hiệu quả xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, nâng cao trách nhiệm giải trình, từng bước hiện đại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước; Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 và Chỉ thị 39-CT/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tiếp tục tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính, với tinh thần “quyết tâm, quyết liệt, mạnh mẽ, tăng tốc”, tạo bức phá rõ nét hơn nữa thông qua nâng cao điểm số, cải thiện thứ hạng các chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS, ... của tỉnh, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu theo Nghị quyết số 05-NQ/TU đã đề ra; Tiếp tục quán triệt sâu rộng đến toàn thể đội ngũ cán bộ, viên chức về 04 quan điểm, 16 chỉ tiêu và 08 nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nêu tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phát huy vai trò, trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính. Tiếp tục tuyên truyền Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Chỉ thị 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 3420/KH-UBND ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phát động Phong trào thi đua “Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 855/KH-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2024; Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 18/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trọng tâm tỉnh Ninh Thuận năm 2024; ...

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Kết quả công tác tuyên truyền**

Năm 2024, thông qua các Bản tin Thời sự phát thanh, truyền hình; các chuyên mục, tạp chí, ... đã phát sóng hơn 200 tin, phóng sự tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính; vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, của người đứng đầu cơ quan đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; tuyên truyền phổ biến các Luật, Nghị quyết, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, ...

Duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên đề, chuyên mục: Cải cách tư pháp, Pháp luật và cuộc sống, Tư vấn pháp luật, Hộp thư truyền hình, Tìm hiểu và Giải đáp pháp luật, Dân hỏi – Lãnh đạo Sở, ngành trả lời, Tiếng nói cử tri, ... tuyên truyền kịp thời chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính; việc xử lý các trường hợp không thực hiện các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải cách hành chính; Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp tin tưởng thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia; Khuyến khích thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các hồ sơ được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến và thanh toán không tiền mặt; đảm bảo các hồ sơ được nộp bằng hình thức trực tuyến phải được kiểm tra, tiếp nhận trong vòng 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ; tuyên truyền, quảng bá những nhiệm vụ trọng tâm, những kết quả nổi bật, nhất là các chỉ tiêu phấn đấu đã đạt được trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh; đồng thời tuyên truyền nêu gương các điển hình tiên tiến, các sáng kiến mới trong công tác cải cách hành chính, ...

### **2. Công tác cải cách thể chế**

Đài thực hiện văn bản thông thường, không xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

– Công tác cán bộ: Được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh, tháng 4/2024 UBND tỉnh bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc (đảm bảo số lượng lãnh đạo Đài theo quy định); Tháng 8/2024, Đài tuyển dụng 01 viên chức (1017/QĐ-ĐPTTH). Năm 2024, Đài chuyển đổi 08 vị trí công tác.

– Công tác đào tạo, bồi dưỡng: Đài cử hơn 70 lượt cán bộ, viên chức tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài tỉnh: Hội nghị tập huấn về công tác xây dựng Đảng năm 2024 (1771/STTTT-TTBCXB); Lớp tập huấn về chuyển đổi số năm 2024 (1964/STTTT-CN); Lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Sở, cấp huyện và tương đương (257/SNV-QLNS); Lớp bồi dưỡng QLNN ngạch Chuyên viên và Chuyên viên chính năm 2024 (240/ĐPTTH-TCHC); Lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương (79-TB/TCT); Lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 2, 3 năm 2024 (2380-QĐ/TU, 2096-QĐ/TU, 2272-QĐ/TU, 1772/SNV-QLNS); Lớp bồi dưỡng ngạch Chuyên viên chính khóa 1 năm 2024 (39-

TB/TCT); Lớp bồi dưỡng công tác cải cách hành chính, thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2024 (3993/SNV-HCVTLT); ...

#### **4. Cải cách tài chính công**

Đài đã triển khai hoạt động thu, chi theo đúng dự toán ngân sách cấp năm 2024; thực hiện nghiêm túc việc thanh toán qua hệ thống dịch vụ công Kho bạc, thực hiện báo cáo thuế trực tuyến theo quy định; Năm 2024, không có hành vi tiêu cực nào trong quản lý, chi tiêu tài chính, ngân sách.

Đài tiếp tục công khai minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản cơ quan theo quy định; công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024; công khai việc chi trả các chế độ, chính sách, quyền lợi cho cán bộ, viên chức kịp thời, đảm bảo việc quản lý thu, chi tài chính tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

#### **5. Hiện đại hóa nền hành chính**

Đài ứng dụng hiệu quả 06 phần mềm vào công tác chuyên môn: TDOffice, Quản lý nhân sự, Quản lý kế toán – tài chính, Quản lý tài sản, Duyệt tin bài qua mạng, phát sóng chương trình Phát thanh – Truyền hình và hộp thư điện tử công vụ. 100% văn bản của cơ quan ban hành được thực hiện chữ ký số (trừ văn bản mật). Trang thông tin điện tử hoạt động hiệu quả, ổn định.

100% cán bộ, viên chức hoàn thành việc cập nhật hồ sơ trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động của cơ quan, 100% cán bộ, viên chức được trang bị máy tính phục vụ công việc.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM**

– Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030; chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS, PCI, ICT INDEX, DDCI, và Chỉ số chuyển đổi số (DTI).

– Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2024; các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của Trung ương, của tỉnh về kỷ luật, kỷ cương hành chính như: Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Quy chế Văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Tỉnh ủy Ninh Thuận và Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 10/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh.

– Thường xuyên cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình phát thanh và truyền hình; chú trọng các chương trình tuyên truyền về cải cách hành chính.

– Tăng cường công tác lãnh đạo đối với bộ phận cải cách hành chính cơ quan; tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với việc đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, viên chức.

– Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024, từ ngày 05/12/2023 đến ngày 04/12/2024 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc;
- Lãnh đạo các phòng;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Thị Thu Thiên**

UBND TỈNH NINH THUẬN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHỤ LỤC**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-ĐPTTH ngày /12/2024  
của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	<i>Kế hoạch CCHC</i>			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	12	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	12	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	10	
1.2.	<i>Kiểm tra CCHC</i>			
1.2.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.2.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Vấn đề		
1.2.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.2.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong			
1.3.	<i>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</i>			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	<i>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</i>			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	48	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>		<b>0</b>	
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>		<b>0</b>	
3.1.	<i>Thống kê TTHC</i>			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục		
3.2.	<i>Vận hành cổng dịch vụ công</i>			<i>Đài không có TTHC để tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia</i>
3.2.1	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.	<i>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</i>			<i>Đài không thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC</i>
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>	%		<i>Đài không thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC</i>
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.	<i>Vận hành Cổng dịch vụ công</i>			<i>Đài không có TTHC để tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công QG</i>
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên cổng DVC	Thủ tục		
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên cổng DVC	Thủ tục		
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
4.1.	<i>Cơ cấu tổ chức bộ máy</i>			
4.1.1.	Số cơ quan, chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số BQL trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	01	Đài PTTH
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc Sở, Ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan,		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	<i>Số liệu về biên chế công chức</i>			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3.	Số HDLĐ làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	<i>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</i>		73	
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	74	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	73	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	100	
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	<i>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</i>			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	01	515/QĐ-UBND ngày 12/9/2023
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	01	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.3.	<i>Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo</i>			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện =1 Chưa thực hiện=0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở ngành được bổ nhiệm mới	Người	02	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	<i>Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và Chính quyền)</i>			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.4.	Số đơn vị SNCL do Nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	0	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số	%	100	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.6.	<i>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</i>			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	2714	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử ( <i>sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> )	%	100%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	2%	BCHQS tỉnh, BCH BDBP; ...; hồ sơ khen thưởng; tờ trình..
7.7.	<i>Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</i>			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.8	<i>Dịch vụ công trực tuyến</i>			<i>Đài không thực hiện thủ tục hành chính công trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh</i>
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		